

Bản án số: 85/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16/9/2021.

“*V/v tranh chấp  
hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tô Thị Bích Duyên

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Tăng Thị Bạch Vân.

2. Ông Nguyễn Văn Ngoãn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lý Thị Tư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Xuân Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 572/2020/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 12 năm 2020 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 281/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 273/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 01 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Kim N, sinh năm 1993. Địa chỉ: xã B, huyện S, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: Kênh C, xã H, huyện C - Sóc Trăng (có mặt).

\* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trung Đ, sinh năm 1988. Địa chỉ: xã B, huyện S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Bà Nguyễn Kim N và ông Nguyễn Trung Đ kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã Ba Trinh cấp ngày 27/7/2016. Quá trình chung sống bà N và ông Đ có hai con chung tên Nguyễn K, sinh ngày 03/11/2016 và Nguyễn Đ1, sinh ngày 29/9/2019. Hiện hai con do bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nhận thấy vợ chồng sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu Tòa án về hôn nhân: Bà N yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trung Đ; Về con chung: Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung tên Nguyễn K, sinh ngày 03/11/2016 và Nguyễn Đ1, sinh ngày 29/9/2019 đến tuổi trưởng thành, yêu

cầu ông Nguyễn Trung Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng; Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Đối với bị đơn là ông Nguyễn Trung Đ:* Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Đ nhưng ông không tham gia tố tụng, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của ông nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và yêu cầu của ông Đ.

Tại phiên tòa, bà N có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Về con chung bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung tên K, Đ1 đến khi hai con đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Tuy nhiên thời gian đưa vụ án ra xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn: Không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà N được ly hôn chồng là ông Đ; Về con chung: Giao cháu K và cháu Đ1 cho bà N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, ghi nhận việc bà N không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Ông Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- *Về án phí sơ thẩm:* Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa bị đơn là ông Nguyễn Trung Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông Nguyễn Trung Đ. Tại phiên tòa nguyên đơn là bà N có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là về con chung bà N yêu cầu trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Xét việc thay đổi này của nguyên đơn là tự nguyện, nội dung thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện

này không vượt quá phạm vi khởi kiện và đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Kim N và ông Nguyễn Trung Đ tổ chức đám cưới, tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà N và ông Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn, nhưng ông bà không tìm biện pháp hàn gắn dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, kéo dài và hiện nay bà N và ông Đ không còn sống chung với nhau. Mặt khác, ông Đ đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để tham gia phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng ông bà gặp nhau để tìm biện pháp hàn gắn, để vợ chồng đoàn tụ, vì quan hệ hôn nhân là phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên nhưng ông Đ không tham gia. Tại Biên bản xác minh ngày 09/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, ông Nguyễn Văn P là cha ruột của ông Đ, ở chung nhà (cùng nơi cư trú) với ông Đ, đã nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho ông Đ vì ông Đ bận đi làm thuê ở xa, không thường xuyên về nhà. Ông P cũng có thông báo nội dung văn bản lại cho ông Đ biết nhưng ông Đ vẫn không tham gia và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà N.

Từ đó cho thấy, sau khi phát sinh mâu thuẫn thì bà N và ông Đ không tìm biện pháp hàn gắn mối quan hệ vợ chồng dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà N, cho bà N được ly hôn với ông Đ.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà N và ông Đ có 02 người con chung tên Nguyễn K, sinh ngày 03/11/2016 và Nguyễn Đ1, sinh ngày 29/9/2019.

Xét thấy, từ khi bà N và ông Đ không còn sống chung với nhau đến nay thì cháu K và cháu Đ1 vẫn sống chung với bà N, được bà N chăm sóc, nuôi dưỡng tốt và bà N có yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi các con chung cho đến khi đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu K và cháu Đ1 cho bà N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho hai cháu, ổn định môi trường sống cho hai cháu và cũng phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu K và cháu Đ1 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc bà N không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách như đã phân tích trên.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; khoản 1 Điều 244, Điều 271, 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **TUYÊN XỬ:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Bà Nguyễn Kim N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Kim N được ly hôn với ông Nguyễn Trung Đ.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn K, sinh ngày 03/11/2016 và Nguyễn Đ1, sinh ngày 29/9/2019 cho Bà Nguyễn Kim N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc Bà Nguyễn Kim N không yêu cầu ông Nguyễn Trung Đ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Trung Đ được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Kim N phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008726 ngày 23/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Bà N đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn là Bà Nguyễn Kim N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn là ông Nguyễn Trung Đ vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- UBND xã Ba Trinh
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án.

**Tô Thị Bích Duyên**